

CHÍNH PHỦ
Số: 91/2007/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, thẩm quyền và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng là những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về hàng không dân dụng do các tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm:

- Vi phạm quy định về tàu bay;
- Vi phạm quy định về cảng hàng không, sân bay;
- Vi phạm quy định về nhân viên hàng không;
- Vi phạm quy định về hoạt động bay;

đ) Vi phạm quy định về hoạt động vận chuyển hàng không và hàng không chung;

e) Vi phạm quy định về an ninh hàng không.

3. Các hành vi vi phạm hành chính tại cảng hàng không, sân bay về an ninh trật tự, gây mất vệ sinh hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường, phòng cháy, chữa cháy, quảng cáo bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, y tế và văn hoá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sau đây gọi chung là Pháp lệnh).

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng phải do người có thẩm quyền quy định tại các Điều 13, 14, 15 và khoản 1 Điều 16 Nghị định này thực hiện.

3. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trong lĩnh vực hàng không dân dụng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh.

4. Không xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm xảy ra trong trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Khi phạt tiền, mức phạt cụ thể đối với một hành khách vi phạm hành chính là mức phạt trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi vi phạm đó.

Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt. Trường hợp có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể được tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;
- b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;
- c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;
- d) Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại;
- đ) Bị từ chối vận chuyển có thời hạn hoặc không có thời hạn.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng là một năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm về giá, phí, lệ phí hàng không, xây dựng công trình và lắp đặt trang bị, thiết bị phục vụ hoạt động hàng không dân dụng hoặc ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng là hai năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

3. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

4. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện hành vi vi phạm mới trong lĩnh vực hàng không dân dụng hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, nếu quá một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 7. Vi phạm các quy định về tàu bay

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Không thực hiện đúng quy trình về chuẩn bị chuyến bay, làm thủ tục chuyến bay ngoài quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;
- b) Vô ý làm hư hỏng tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay hoặc trang bị, thiết bị của tàu bay;
- c) Lấy trộm đồ vật, tài sản trên tàu bay.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Thực hiện chuyến bay trên lãnh thổ Việt Nam không có đủ thành viên tổ bay phù hợp với pháp luật của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay hoặc quốc gia người khai thác tàu bay;

b) Khai thác tàu bay không theo quy định về giới hạn tiếng ồn tàu bay và khí thải động cơ tàu bay.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay và trang bị, thiết bị trên tàu bay không theo quy định của giấy phép đã được cấp;

b) Bảo dưỡng tàu bay không theo quy định;

c) Không thực hiện đúng quy trình chuẩn bị chuyến bay, làm thủ tục chuyến bay gây uy hiếp an toàn bay;

d) Không mang đầy đủ giấy tờ, tài liệu theo tàu bay theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của giấy phép, giấy chứng nhận đã cấp cho người khai thác tàu bay, tàu bay, động cơ và cánh quạt của tàu bay;

b) Nhập khẩu tàu bay không theo quy định về tuổi;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của giấy phép đối với thiết bị vô tuyến điện được lắp đặt trên tàu bay;

d) Cung cấp dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay và trang bị, thiết bị trên tàu bay mà không có giấy phép;

đ) Sử dụng tàu bay theo hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

e) Sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu vào Việt Nam tàu bay, động cơ và cánh quạt của tàu bay không phù hợp với Giấy chứng nhận loại tàu bay tương ứng do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;

g) Không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba hoặc mua không đến giới hạn trách nhiệm quy định.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây: